

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2024/DS-PT
Ngày: 07-8-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Vân.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 326/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phi D – sinh năm 1967, chủ hộ kinh doanh Phi Dũng; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D1 – sinh năm 1963; Địa chỉ: số C, M, khu phố A, phường C, thị xã G (N là khu phố F, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang) (có mặt).

2. Bị đơn:

Ông Phan Văn T – sinh năm 1966 (có mặt);

Bà Nguyễn Thị Mỹ E – sinh năm 1964 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Phan Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Phi D có đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn D1 trình bày:

Từ ngày 01/8/2017, ông Phi D có thỏa thuận bán thuốc và thức ăn nuôi tôm cho vợ chồng ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Mỹ E nhiều lần. Hai bên không có làm hợp đồng mua bán, chỉ thỏa thuận miệng, hình thức thanh toán là ông bán thuốc và thức ăn nuôi tôm cho ông T, bà E đến khi thu hoạch tôm thì thanh toán tiền cho ông. Đến ngày 26/4/2021 đôi bên đối chiếu nợ thì ông T, bà E còn nợ ông 735.275.000 đồng, có làm biên bản đối chiếu công nợ. Đến ngày 15/3/2022 ông T, bà E trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 715.275.000 đồng đến nay chưa trả mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T, bà E trả cho ông số tiền còn lại là 715.275.000 đồng đồng thời ông yêu cầu tính lãi từ ngày 26/4/2021 đến ngày 14/3/2022 của số tiền 735.275.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/3/2022 đến ngày xét xử của số tiền 715.275.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Yêu cầu trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn T trình bày: Trước đây vợ chồng ông có mua thuốc, thức ăn nuôi tôm của ông Nguyễn Phi D. Tuy nhiên do chăn nuôi thua lỗ nên khi kết nợ thì vợ chồng ông nợ ông D 735.275.000 đồng như ông D trình bày. Hiện vợ chồng ông còn nợ ông Phi D 715.275.000 đồng, nay ông cũng đồng ý trả cho ông Phi D số tiền trên nhưng ông xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không trả lãi.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ E trình bày: Bà thống nhất như ông T trình bày, hiện vợ chồng bà còn nợ ông Phi D 715.275.000 đồng. Nay bà cũng đồng ý trả cho ông Phi D số tiền 715.275.000 đồng nhưng do hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, làm ăn thua lỗ nên bà xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không trả lãi còn trả theo yêu cầu của ông Phi D là bà không có khả năng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 92, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Phi D.

Buộc ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Mỹ E liên đới trả cho ông Nguyễn Phi D số tiền vốn và lãi tổng cộng là 933.925.036 (chín trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn không trăm ba mươi sáu) đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận việc ông T xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 (bảy triệu) đồng, bà E xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng cho đến khi dứt nợ và xin không trả lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/5/2024, ông Phan Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Xin trả số tiền vốn 715.275.000 đồng và trả dần mỗi tháng là 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn Phan Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; riêng bà Mỹ E có yêu cầu xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

Đơn kháng cáo của bị đơn Phan Văn T nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung xét kháng cáo:

Tại cấp sơ thẩm, ông T và bà Mỹ E thừa nhận có nợ nguyên đơn Nguyễn Phi D số tiền 715.275.000 đồng, đây là tiền nợ do ông bà mua thuốc, thức ăn nuôi tôm từ ngày 01/8/2017 đến ngày 26/4/2021 chưa thanh toán, hai bên đối chiếu công nợ vào ngày 24/6/2022 (bút lục 36); tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà Mỹ E vẫn giữ nguyên lời trình bày như trên. Nhận thấy, hai bên thực hiện giao dịch mua bán qua thỏa thuận bằng lời nói với nhau, theo dõi việc mua bán bằng bảng công nợ khách hàng do nguyên đơn lập và bị đơn là người mua ký tên xác nhận. Phía bị đơn khai, khi mua thức ăn của ông D thỏa thuận khi thu hoạch tôm có lời sẽ trả nhưng do thua lỗ nên nợ kéo dài đến ngày 26/4/2021 tổng cộng

số tiền nợ được xác định là 735.275.000 đồng, đến ngày 15/3/2022 bị đơn có trả 20.000.000 đồng nên còn nợ lại 715.275.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Xét thấy, việc ông T và bà Mỹ E không trả được nợ và kéo dài từ tháng 4/2021 cho đến nay là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 434, Điều 440 của Bộ luật Dân sự, đồng thời yêu cầu xin trả nợ dần và không phải trả tiền lãi đối với số nợ 715.275.000 đồng của ông T không được nguyên đơn đồng ý, từ đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Mỹ E có đơn xin miễn nộp tiền án phí sơ thẩm do là người cao tuổi nên bà Mỹ E được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên cần sửa án về phần án phí sơ thẩm đối với phần được miễn của bà Mỹ E, phần án phí của ông T phải chịu là $40.017.751 \text{ đồng} : 2 = 20.008.900 \text{ đồng}$.

[4] Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 92, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Văn T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2024/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Phi D.

1. Buộc ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị Mỹ E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phi D số tiền vốn và lãi tổng cộng là 933.925.036 đồng (chín trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn không trăm ba mươi sáu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận việc ông T, bà Mỹ E xin trả nợ dần cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

3. Kể từ ngày ông Phi D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà Mỹ E không chịu liên đới trả số tiền trên thì ông T, bà Mỹ E còn phải liên đới chịu lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của ông Phi D và ông T, bà Mỹ E nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu ông Phi D và ông T, bà Mỹ E không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm:

Buộc ông T chịu 20.008.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Mỹ E được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Phi D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.635.000 (hai mươi triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai số 0013268 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Án phí phúc thẩm: Ông Thuận chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0013431 ngày 03/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt